



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV# _____

WEWL# _____

I-171 _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA # _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUU PHU
Last Middle First

Current Address: 131 To Kim Thanh Q10-Hochiminh City

Date of Birth: 1929 Place of Birth: Bac Ninh

Previous Occupation (before 1975) L. Colonel
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06.14.1975 To 08.02.1984
Years: 09 Months: 02 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>PHAM THANH TU</u>	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại XUAN LOO
Số 725 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
2565 ngày 27 tháng 11
năm 1972

0	0	1	3	7	8	2	6	3	9	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SIISLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 313/CD ngày 07 tháng 07 năm 1984

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN HỮU PHÚ Sinh năm 1929

Các tên gọi khác

Nơi sinh Bắc ninh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

331 Đường tô hiên thành, Quận 10. TP/ HO CHI MINH

Can tội Trùng tặc tham mưu trưởng

Bị bắt ngày 14/06/1975 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 131 Tô hiên thành, Quận 10. TP/ HO CHI MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế : 12 Tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 18 tháng 08 năm 1984

Lên tay ngót, trở phôi,
Của Nguyễn hữu Phú
Danh bìa số
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 09 tháng 8 năm 1984

Giám thị

Nguyễn hữu Phú

Thượng tá: Trịnh Văn Thích

Phan Thanh Tú

Ngày 6 tháng 1 năm 1990

Kính gửi Bà Khúc Minh Thở
Hội Trưởng Hội Bảo Trợ Tù Nhân Chính Trị Việt Nam
5555 Columbia Pike, Suite D
Arlington VA 22204

Thưa Bà,

Tôi viết thư này là để trình bày với Bà về những khó khăn của thân nhân tôi trong việc xin đi định cư và xin được sự giúp đỡ của Bà.

Chú tôi tên là Nguyễn Hữu Phú nguyên là Trung Tá Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Biệt Động Quân, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Sau ngày 30-4-1975, chú tôi bị tập trung đi cải tạo và được tha về ngày 9-8-1984. Ngay khi được tha về, chú tôi đã có lập hồ sơ gửi sang văn phòng ODP Tòa Đại sứ Mỹ ở Bangkok để xin đi định cư cho gia đình gồm bốn người:

Nguyễn Hữu Phú	Chủ hộ	60 tuổi
Hoàng Mộng Vân	Vợ	58 tuổi
Nguyễn Hữu Dũng	Con trai	31 tuổi
Nguyễn Thị Thanh Hằng	Con gái	25 tuổi

Nhưng hồ sơ đã không được chấp thuận vì chú tôi có 3 người con đã định cư tại Úc và hiện là công dân của nước này. Do đó chú tôi đã phải xin đoàn tụ với các con ở Úc, và đã được chính quyền Việt Nam chấp thuận cho cả 4 người được phép xuất cảnh đi Úc. Nhưng một sự kiện bất hạnh cho gia đình chú tôi là chính quyền Úc chỉ chấp thuận cho chú tôi và vợ được phép nhập cảnh, và từ chối 2 người con vì thiếu điểm an định.

Do sự tình cờ chú tôi đọc được bản sao bức thư đề ngày 12-8-1988 của Ông Thomas F. Doubleday Jr. thuộc Đông Nam Á Vụ Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ gửi cho Bà về việc có sự thay đổi trong chính sách định cư của Hoa Kỳ đối với những tù cải tạo có thân nhân ở những nước ngoài Hoa Kỳ, trong đó có đoạn viết: (Nguyên văn)

"With regard to Re-education Camp detainees who have relatives in countries other than the United States, we have reviewed our policy and have determined that Re-education camp detainees will be eligible for resettlement in the United States regardless of whether they have relatives living in other countries. On the other hand, for those detainees who have relatives in other countries and who wish to join those relatives, we will be happy to try to facilitate their resettlement in those countries by contacting the government concerned."

Theo chính sách mới này của chính phủ Hoa Kỳ, tôi trân trọng xin Bà can thiệp với những giới chức có thẩm quyền Hoa Kỳ cũng như Úc, chấp thuận cho 2 người con của chú tôi được đi định cư tại Úc để gia đình chú tôi được đoàn tụ trọn vẹn sau nhiều năm bị chia ly.

Trong khi chờ đợi sự can thiệp và giúp đỡ của Bà có kết quả, kính xin Bà nhận nơi đây lòng biết ơn chân thành của tôi và của gia đình chú tôi.

Trân trọng,

Phan Thanh Tú

Phan Thanh Tú

Hồ sơ đính kèm:

- Bản sao giấy ra trại
- Bản sao Hộ chiếu
- Bản sao thông báo danh sách
- Bản sao thư từ chối
- Bản sao bằng cấp Hoa Kỳ

NGUYEN HUU DUNG.
131 TO HIEN THANH.
QUAN 10.
HO CHI MINH CITY



F89/011

AUSTRALIAN EMBASSY,
BANGKOK.

27 JAN 1989

Dear DUNG.

Your application to migrate to Australia has been considered under the Independent and Concessional category of Australia's migration program.

Adult applicants, sponsored by their parents, brother/sister or aunt/uncle are considered under this category and are subject to a points assessment which assists in determining their economic and employment prospects in Australia.

The pass score is based on a flexible selection system and targets applicants who score either 80 or more overall, or 75 including 25 on the employability factor. However, cases where applicants score either 75 overall, or 70 including 25 on the employability factor, will be held in abeyance in a pool and may be considered later subject to the availability of places in the Independent and Concessional category.

The attached decision record details your points score. As you have failed to attain a score necessary for approval or for inclusion in the pool, your application has been refused.

This decision has been made only after full consideration of all the circumstances of your case. Your application does not meet the requirements for approval under any other category of the migration program.

A close relative in Australia may appeal against this decision on your behalf; attached is information about the review process.

Yours sincerely,

A handwritten signature in cursive script, appearing to be 'G. Pickering'.

For Second Secretary (Immigration)
G. PICKERING

DECISION RECORD

Application for Migration to Australia

Principal Applicant

Family Name	NGUYEN.
Given Names	HUU. DUNG.

Eligibility Criteria - Legal and Policy

A. The Principal Applicant and, where applicable, spouse and dependants:

- have proof of identity
- are related
- are free to migrate
- have no time limit on return
- meet age requirements
- meet health requirements
- meet character requirements
- are able to settle

B. If Sponsorship lodged, sponsor

- has proof of identity
- is related to applicant
- is an Australian citizen or resident
- meets age requirements
- is residentially qualified
- is likely to meet sponsorship/
Assurance of Support undertakings
- meets other specified sponsorship rules

C. Refugee and S. H. P. - meets definition

D. Other Relevant Factors (See overleaf)

E. Additional Category Specific Requirements

1. Fiance - genuine intention to marry
2. Adopted child under 18 - acceptable adoption
3. Special Need Relative - proven case of need
4. Working Age Parent - arranged job or funds
5. Aged Dependent Close Relative - proof of dependency
6. Last Remaining Relative - no relatives outside Australia
7. Skilled Labour Migrant - allocated OSS share
- qualifications accepted
8. Employer Nominee - acceptable ENS nomination
- qualifications accepted
9. Business Migrant - evidence of prescribed funds for transfer
- acceptable business background
10. Self-supporting Retiree - intends to retire
- has prescribed funds for transfer
11. Creative/Sporting Talents - achievement record
12. Former Citizen or Resident - acceptable reason for loss or before 18 in Australia
- evidence of continued ties
- satisfactory economic viability
13. Special Abilities - outstanding merit

14. Independent and Concessional:

Principal Applicant passes the Points Assessment

Criteria Assessed			
Initial		Determination	
Met	Not Met	Met	Not Met

--	--	--	--

--	--	--	--

--	--	--	--

	PA	Spouse	PA	Spouse
Age	15			
Skills	10			
Education	15			
Employability	15			
Concessional Points	10			

D. Appraisal of Other Claims and Factors, and Summary of Reasons for Decision

1. Reasons why criteria not met

FAILS POINTS ASSESSMENT

SKILLS - NOT SUCH THAT THEY WOULD BE RECOGNISED AS
PROFESSIONAL OR TECHNICAL IN AUSTRALIA
AND OCCUPATION(S) NOT ON DESIGNATED
OCCUPATIONS LIST.

EMPLOYABILITY - TRAINING AND WORK EXPERIENCE ASSESSED
AS NOT WARRANTING MORE THAN 15 POINTS.

EDUCATION - MAXIMUM POSSIBLE POINTS AWARDED.

2. Decision maker's appraisal of claims, made by and on behalf of the applicant (s), in the application at interview or in representations etc, and not reflected at 1 or 3 of this sheet.

ALL RELEVANT INFORMATION CONSIDERED.

3. Decision maker's appraisal of other material factors not elsewhere taken into account, including information not advanced directly by or on behalf of the applicant (s).

4. Summary of Reasons including comment on whether circumstances of this case warrant favourable decision even though policy requirements are not fully met.

FAILS POINTS ASSESSMENT
INELIGIBLE ELSEWHERE UNDER POLICY
CIRCUMSTANCES DO NOT WARRANT APPROVAL POLICY

Name

Signature

Section No

Date

FOR
G. PICKERING

[Signature]

76

27-01-89

Tên, họ ấu-nhi :	NGUYỄN - HỮU - DŨNG
Phái :	Nam
Sanh :	Mười lăm tháng Ba dương lịch
(Ngày, tháng, năm)	năm một ngàn chín trăm năm mươi tám
Tại :	Bão sanh Sơn Cao Biênhòa
Cha :	Nguyễn hữu Phú
(Tên, họ)	
Tuổi :	Hai mươi chín tuổi
Nghề - nghiệp :	Trung Ủy
Cư-trú tại :	Biênhòa
Mẹ :	Hoàng nông Vân
(Tên, họ)	
Tuổi :	Hai mươi bảy tuổi
Nghề - nghiệp :	Nội trợ
Cư-trú tại :	Biênhòa
Vợ :	Vợ chánh
Người khai :	Nguyễn hữu Phú
(Tên, họ)	
Tuổi :	Hai mươi chín tuổi
Nghề-nghiệp :	Trung Ủy
Cư-trú tại :	Biênhòa
Ngày khai :	Mười sáu tháng Ba năm 1958
Người chứng thứ nhất :	Nguyễn thu Lương
(Tên, họ)	
Tuổi :	Hai mươi bảy tuổi
Nghề - nghiệp :	Trung Ủy
Cư - trú tại :	Biênhòa
Người chứng thứ nhì :	Quách - Hiến
(Tên, họ)	
Tuổi :	Hai mươi lăm tuổi
Nghề - nghiệp :	Trung Ủy
Cư - trú tại :	Biênhòa

Làm tại Bình-trước, ngày 16 tháng Ba năm 1958

Người khai,

Hộ tại,

Nhân chứng,

Nguyễn hữu Phú

Phạm văn Thanh

Nguyễn thu Lương

Quách - Hiến

TRƯỞNG BỘ

BỘ TƯ LỆNH





F89/011810
AUSTRALIAN EMBASSY,
BANGKOK.

7.2.89.

NGUYEN THI THANH HANG
131 TO HIEN THANH
Q.10. HO CHI MINH.

Dear Hang,

Your application to migrate to Australia has been considered under the Independent and Concessional category of Australia's migration program.

Adult applicants, sponsored by their parents, brother/sister or aunt/uncle are considered under this category and are subject to a points assessment which assists in determining their economic and employment prospects in Australia.

The pass score is based on a flexible selection system and targets applicants who score either 80 or more overall, or 75 including 25 on the employability factor. However, cases where applicants score either 75 overall, or 70 including 25 on the employability factor, will be held in abeyance in a pool and may be considered later subject to the availability of places in the Independent and Concessional category.

The attached decision record details your points score. As you have failed to attain a score necessary for approval or for inclusion in the pool, your application has been refused.

This decision has been made only after full consideration of all the circumstances of your case. Your application does not meet the requirements for approval under any other category of the migration program.

A close relative in Australia may appeal against this decision on your behalf; attached is information about the review process.

Yours sincerely,

Placed
for Second Secretary (Immigration)
C. LOTE

DECISION RECORD

Application for Migration to Australia

Principal Applicant

Family Name

NGUYEN

Given Names

THI THANH HANG.

Eligibility Criteria - Legal and Policy

A. The Principal Applicant and, where applicable, spouse and dependants:

- have proof of identity
- are related
- are free to migrate
- have no time limit on return
- meet age requirements
- meet health requirements
- meet character requirements
- are able to settle

B. If Sponsorship lodged, sponsor

- has proof of identity
- is related to applicant
- is an Australian citizen or resident
- meets age requirements
- is residentially qualified
- is likely to meet sponsorship/ Assurance of Support undertakings
- meets other specified sponsorship rules

C. Refugee and S. H. P. - meets definition

D. Other Relevant Factors (See overleaf)

E. Additional Category Specific Requirements

1. Fiance - genuine intention to marry
2. Adopted child under 18 - acceptable adoption
3. Special Need Relative - proven case of need
4. Working Age Parent - arranged job or funds
5. Aged Dependent Close Relative - proof of dependency
6. Last Remaining Relative - no relatives outside Australia
7. Skilled Labour Migrant - allocated OSS share
 - qualifications accepted
8. Employer Nominee - acceptable ENS nomination
 - qualifications accepted
9. Business Migrant - evidence of prescribed funds for transfer
 - acceptable business background
10. Self-supporting Retiree - intends to retire
 - has prescribed funds for transfer
11. Creative/Sporting Talents - achievement record
12. Former Citizen or Resident - acceptable reason for loss or before 18 in Australia
 - evidence of continued ties
 - satisfactory economic viability
13. Special Abilities - outstanding merit

14. Independent and Concessional:

Principal Applicant passes the Points Assessment

Criteria Assessed

Initial		Determination	
Met	Not Met	Met	Not Met

--	--	--	--

--	--	--	--

--	--	--	--

	PA	Spouse	PA	Spouse
Age	15			
Skills	10			
Education	15			
Employability	15			
Concessional Points	10			

D. Appraisal of Other Claims and Factors, and Summary of Reasons for Decision

1. Reasons why criteria not met

FAILS POINTS ASSESSMENT

SKILLS - NOT SUCH THAT THEY WOULD BE RECOGNISED AS PROFESSIONAL OR TECHNICAL IN AUSTRALIA AND OCCUPATION(S) NOT ON DESIGNATED OCCUPATIONS LIST.

EMPLOYABILITY - TRAINING AND WORK EXPERIENCE ASSESSED AS NOT WARRANTING MORE THAN 15 POINTS.

EDUCATION - MAXIMUM POSSIBLE POINTS AWARDED.

2. Decision maker's appraisal of claims, made by and on behalf of the applicant (s), in the application at interview or in representations etc, and not reflected at 1 or 3 of this sheet.

ALL RELEVANT INFORMATION CONSIDERED.

3. Decision maker's appraisal of other material factors not elsewhere taken into account, including information not advanced directly by or on behalf of the applicant (s).

4. Summary of Reasons including comment on whether circumstances of this case warrant favourable decision even though policy requirements are not fully met.

FAILS POINTS ASSESSMENT
INELIGIBLE ELSEWHERE UNDER POLICY
CIRCUMSTANCES DO NOT WARRANT APPROVAL OUTSIDE POLICY

Name

C. COTE

Signature

Plavor

Position No

317

Date

72.29.

KHAI SANH

Số hiệu: 94

Trích lục y bộ sanh năm
1964

Phú-nhuận ngày 23-01-64

Hội viên Hộ-Tịch

[Signature]

Chúng thực chữ ký trên
đây của Hội viên Hộ-Tịch
Phú-nhuận ngày 23-1-64

Đại-Diện

[Signature]

Tên, họ ấu-nhi :	NGUYỄN THỊ THANH-HẰNG
Phái :	nữ
Sinh :	ngày mười tám tháng giêng dương lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn hồi 2 giờ 30 (Ngày, tháng, năm)
Tại :	Bệnh-viện Cơ-Sở Phú-nhuận Gia-Dịnh
Cha :	Nguyễn hữu Phú
(Tên họ)	
Tuổi :	35 tuổi
Nghề-nghiệp :	Sĩ quan Q.L.V.N.C.H
Cư-trú tại :	65/459 Lê văn Duyệt Gò Vấp Gia-Dịnh
Mẹ :	Hoàng mộng Vân
(Tên, họ)	
Tuổi :	33 tuổi
Nghề-nghiệp :	nội trợ
Cư-trú tại :	65/459 Lê văn Duyệt Gò Vấp Gia-Dịnh
Vợ :	vợ chánh
Người khai :	Nguyễn hữu Phú
(Tên, họ)	
Tuổi :	35 tuổi
Nghề-nghiệp :	Sĩ quan Q.L.V.N.C.H
Cư-trú tại :	65/459 Lê văn Duyệt Gò Vấp Gia-Dịnh
Ngày khai :	20-01-1964
Người chứng thứ nhất :	Trần văn Thông
(Tên, họ)	
Tuổi :	35 tuổi
Nghề-nghiệp :	quân nhân
Cư-trú tại :	K.B.C: 4205
Người chứng thứ nhì :	Nguyễn-Hàn
(Tên, họ)	
Tuổi :	34 tuổi
Nghề-nghiệp :	quân nhân
Cư-trú tại :	K.B.C: 4205

CHỖ

Làm tại Phú-nhuận, ngày 20 tháng 01 năm 1964

Người khai,

Hộ-lại,

Nhân chứng,

Phú

Danh

Thông

Hàn

[Signature]
[Signature]



Be it known that

1LT NGUYEN H. PHU

59/300277

has successfully completed the

Ranger Course

(CLASS 7, CONDUCTED 13 March 1961 - 8 May 1961)

at this institution and that in testimony

thereof is awarded this

Diploma

Given at Fort Benning, Georgia, on this the

day of APRIL, nineteen hundred and eighty-seven

A handwritten signature in cursive script, reading "Edwin G. Surba, Jr.".

Edwin G. Surba, Jr.
Major General, USA
Commandant

A handwritten signature in cursive script, reading "Linwood E. Barney".
Linwood E. Barney
Lieutenant Colonel, InfantryA handwritten signature in cursive script, reading "Barry B. McCaffrey".
Barry B. McCaffrey
Brigadier General, USA

HA: 8165 2

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

854

--

Độc lập - tự do - Hạnh phúc

CỤC QUẢN LÝ X.N.C

S: 29741

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi : Bà Hoàng Nông Văn

Hiện ở : 131 Hồ Kiêu Thám, F24, Q10, TP. Hồ Chí Minh

1/ Chúng tôi đồng ý cho bà cùng 03 người trong gia đình được phép xuất cảnh đi đến nước Úc

2/ Chúng tôi đã lên danh sách 14 chuyên Bộ Ngoại, giao để chuyển chính phủ Úc bố trí tiếp xúc và xét nhập cảnh.

3/ Về việc cấp hộ chiếu : Đã cấp hộ chiếu số đầu từ:
15200 - 15206 / 89 BC1.

Xin thông báo để

bà rõ ./.
Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 1980

TRƯỞNG PHÒNG

Vand

Thị trấn

THỊ THỰC - VISAS
THỊ THỰC XÃ LÃT CẢNH

Số 152.04/89
Cấp cho Nguyễn Thị Thanh Hằng
Công với trẻ em
Đến nước ô-xtrây-li-a
Qua cửa khẩu Bãi Sơn Nhứt
Trước ngày 12-11-1989
Hố nội, ngày 12 tháng 5 năm 1989
CỤC QUẢN LÝ VÀ XÃ LÃT CẢNH
Thị thực



Nguyễn Thị Thanh Hằng

- 1 -



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số 152.04/89ĐC₁
Nº

Hộ chiếu n. y gồm 32 trang
Ce passeport contient 32 pages

- 1 -

Họ tên NGUYỄN THỊ THANH HẰNG
Nom et prénoms

Ngày sinh 1964
Date de naissance

Nơi sinh TP. Hồ Chí Minh
Lieu de naissance

Chỗ ở TP. Hồ Chí Minh
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng Chiều cao
Signalement Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

- 2 -

- 3 -

Hộ chiếu này có giá trị đi đến
Ce passeport est valable pour se rendre

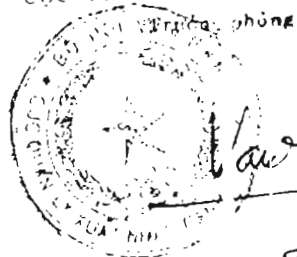
ô-x-trây-li-a Australie

và hết hạn ngày 12 5 1992
IL expire le

trừ khi được gia hạn
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 12 tháng 5 năm 1989
Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XẤT NHẬP CẢNH

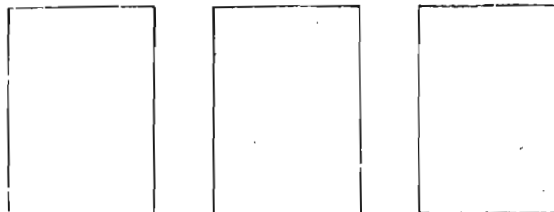


Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số 15206/89-ĐC₁
N^o

Hộ chiếu này gồm 32 trang
Ce passepor contient 32 pages

- 1 -

THỊ THỰC — VISAS
THỊ THỰC XUẤT CẢNH

SS 15206 KL
Cố định cho anh / Nguyễn Hữu Dũng
Cộng sản trẻ em
Đến nước Ô-xtrây-li-a
Giấy của khẩu Đồn Sơn Nhất
Trước ngày 12. 11. 1989
Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 1989

CỤC QUẢN LÝ VÀ THỰC NHẬP CẢNH

Trụ sở phòng



Trịnh Văn...

Họ tên **NGUYỄN HỮU DUNG**
Nom et prénoms

Ngày sinh **1958**
Date de naissance

Nơi sinh **Đông Nai**
Lieu de naissance

Chỗ ở **TP. Hồ Chí Minh**
Domicile

Quốc tịch **Việt Nam**
Nationalité

Nghề nghiệp **/**
Profession

Nhận dạng **Chiều cao**
Signalement **Taille**

Màu mắt **Màu da**
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt **/**
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

[Handwritten signature]

- 2 -

- 3 -

Hộ chiếu này có giá trị đi đến
Ce passeport est valable pour se rendre

Ô-xtrây-li-a **Australie**

và hết hạn ngày **12.5.1992**
IL expire le

trừ khi được gia hạn
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại **Hà Nội** ngày **11** tháng **5** năm **1989**
Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẬP

Trưởng phòng



TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 4 -

Tu Phan



To: Mrs. Khue Minh Tho
Families of Vietnamese political prisoners Association
PO Box 5435,
Arlington, VA 22205 - 0635

JAN 16 1990

CONTROL

5/9/87

Card

Doc. Request; Form

Release Order

Computer

Form "D"

ODP/Date

Membership; Letter

Oxford®

ESSELTE

MADE IN U.S.A.

NO. 752 1/3

CONTROL

Card

☒ Doc. Request; Form

Release Order

Computer

Form "D"

ODP/Date

Membership; Letter

3/14/90